

Bản án số: 14/2021/KDTM-ST

Ngày: 26-3-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Mai Văn Du**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thúy** – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST- KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 03/02/2021 và thông báo hoãn phiên tòa ngày 01/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần H (viết tắt là công ty H); Địa chỉ: Lô 06D2 Khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C; Chức vụ: Giám đốc công ty. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Ph (viết tắt là công ty P); Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 66 đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: Số 05 đường K, phường Tân T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Mạnh H; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 của Nguyên đơn Công ty cổ phần H và đơn trình bày ngày 02/10/2020 và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành C là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần H cùng với Công ty TNHH Xây dựng P ký kết hợp đồng mua bán số 08-2019/HN-HĐMB ngày 01/3/2019 về việc mua bán sắt thép để phục vụ thi công công trình. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận hàng, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên được hai bên đã thống nhất thực hiện trong hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Công ty H đã tiến hành việc giao hàng cho Công ty P, tổng lượng hàng hóa xuất bán theo hóa đơn GTGT số 00714 ngày 15/3/2019 và Hóa đơn GTGT số 00724 ngày 30/7/2019. Về phần trách nhiệm các bên, công ty H đã thực hiện đúng theo quy định của Hợp đồng đã ký kết, cũng theo quy định của Hợp đồng này thì Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty H sau khi nhận hàng theo đúng cam kết. Tính đến ngày 30/9/2020 Công ty P đang còn nợ công ty H số tiền gốc và lãi theo hợp đồng với tổng số tiền 875.216.511 đồng (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm mười sáu nghìn năm trăm mười một đồng*). Trong đó: Nợ gốc tiền hàng hóa là: 736.128.580 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 139.087.931 đồng (*mức lãi suất quá hạn được công ty H áp dụng là 0,038%/ngày tương đương 13,87%/năm*)

Trên tinh thần hợp tác, Công ty H đã nhiều lần liên lạc điện thoại, bằng văn bản gửi hoặc cử nhân viên Công ty đến trụ sở Công ty P để yêu cầu Công ty P thanh toán dứt điểm số tiền đang nợ cho Công ty H. Nhưng đến nay Công ty P vẫn không thực hiện việc thanh toán số công nợ trên cho Công ty H. Việc không thanh toán của Công ty P đã vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên đã ký kết, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty H.

Công ty Cổ phần H khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng P, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, giải quyết buộc Công ty TNHH Xây dựng P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 875.216.511 đồng (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm mười sáu nghìn năm trăm mười một đồng*). Trong đó: Nợ gốc hàng hóa là: 736.128.580 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 139.087.931 đồng, (*mức lãi suất quá hạn được công ty H áp dụng là 0,038%/ngày tương đương 13,87%/năm*).

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành C đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần H yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền nợ gốc hàng hóa chưa thanh toán là 736.128.580 đồng.

Đối với khoản nợ lãi quá hạn, tại phiên tòa ông Nguyễn Thành C đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, thay đổi mức tính lãi suất nợ quá hạn, chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn với mức lãi suất 12,35%/năm (*Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất quá hạn với mức 0,038%/ngày tương đương 13,87%/năm*). Theo đó số tiền lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 26/3/2021 mà nguyên đơn Công ty H yêu cầu bị đơn Công ty P phải thanh toán là 166.908.145 đồng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản gửi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Nam xác minh về tình trạng hoạt động của Công ty TNHH Xây dựng P. Theo văn bản số 246 ngày 12/11/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Nam xác định: Công ty Xây dựng P được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000926415, đăng ký lần đầu vào ngày 01/4/2013, đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 05/10/2020, địa chỉ đăng ký kinh doanh tại số 66 đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; người đại diện theo pháp luật là ông Hồ Mạnh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm giám đốc.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa chỉ đăng ký hoạt động của Công ty TNHH Xây dựng P theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Công ty P vẫn không tham gia hòa giải, không có văn bản ý kiến phản hồi. Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Hồ Mạnh H nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về khoản nợ gốc: Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019 và 02 hóa đơn GTGT số 0000714 ngày 15/3/2019, hóa đơn số 0000724 ngày 31/7/2019 xác nhận Công ty H đã bán cho Công ty Plượng hàng hóa trị giá 736.128.580 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Công ty P không có ý kiến cũng như không đưa ra được chứng

cứ thể hiện đã thanh toán số tiền này. Tại hợp đồng thể hiện thời hạn trả nợ là 45 ngày kể từ ngày nhận hàng, theo các hóa đơn thì tính đến thời điểm khởi kiện, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty P phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần H số tiền nợ gốc là 736.128.580 đồng.

Đối với khoản tiền lãi chậm trả: Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi quá hạn 13,87%/năm. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu, chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn với mức 12,35%/năm. Với tổng số tiền lãi chậm trả là 166.908.145 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức tính lãi suất của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, mức lãi suất yêu cầu là phù hợp với trung bình lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Do đó yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn Công ty P phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần H khoản tiền lãi suất chậm trả với tổng số tiền 166.908.145 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán số 08-2019/HN-HĐMB giữa Công ty Cổ phần H và Công ty TNHH Xây dựng P các bên đã thỏa thuận “...*Nếu việc thương lượng này không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*” là Tòa án nơi nguyên đơn đặt trụ sở. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng P, người đại diện theo pháp luật là ông Hồ Mạnh H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Xây dựng P.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành C đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần H yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng P

phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền nợ gốc hàng hóa chưa thanh toán là 736.128.580 đồng. Đối với khoản nợ lãi quá hạn, tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất quá hạn với mức 0,038%/ngày tương đương 13,87%/năm. Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, thay đổi mức tính lãi suất nợ quá hạn, chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn với mức lãi suất 12,35%/năm. Theo đó tổng số tiền lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 26/3/2021 mà nguyên đơn Công ty H yêu cầu bị đơn Công ty P phải thanh toán là 166.908.145 đồng.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét tính pháp lý của hợp đồng mua bán số 08-2019/HN-HĐMB ngày 01/3/2019: Hợp đồng mua bán số 08-2019/HN-HĐMB ngày 01/3/2019 được người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần H và Công ty TNHH Xây dựng P ký kết trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của các bên giao kết. Nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật thương mại, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần H về việc buộc Công ty TNHH Xây dựng P phải thanh toán cho công ty H khoản nợ gốc với số tiền: 736.128.580 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 3 Điều 3 của hợp đồng mua bán quy định “..*Bên A đồng ý cho bên B được chậm trả 30 ngày kể từ ngày nhận hàng với số dự nợ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) ... nhưng nợ tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hàng*”. Theo hóa đơn số 0000714 ngày 15/3/2019 và hóa đơn bán hàng số 0000724 ngày 30/7/2019, Công ty H đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty P với số tiền bán hàng theo 02 hóa đơn trên là 736.128.580 đồng. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019, Công ty P xác nhận còn nợ Công ty H số tiền gốc là 736.128.580 đồng. Quá trình thụ lý giải quyết, Công ty P không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện Công ty P đã trả khoản tiền hàng gốc này. Do đó, căn cứ điều 50 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần H, buộc bị đơn công ty TNHH Xây dựng P phải thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc là 736.128.580 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần H buộc Công ty TNHH Xây dựng P phải thanh toán cho nguyên đơn công ty H khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc với tổng số tiền 166.908.145 đồng: Xét thấy, như đã nhận định ở trên, Công ty TNHH Xây dựng P còn nợ công ty H khoản tiền nợ gốc là 736.128.580 đồng. Theo quy định

tại mục 3 Điều 3 của Hợp đồng mua bán hàng hóa các bên đã thỏa thuận “...*Bên A đồng ý cho bên B được chậm trả 30 ngày kể từ ngày bên B nhận hàng với số dư nợ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Nếu quá hạn trên bên B phải trả lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần tại từng thời điểm dư nợ nhưng nợ tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hàng*”. Theo hóa đơn 0000714 ngày 15/3/2019 Công ty H đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty P với số tiền hàng là 510.640.020 đồng. Theo hóa đơn GTGT số 0000724 ngày 30/7/2019 thì Công ty Hiền Nhân đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty H với số tiền hàng là 225.488.560 đồng. Tính đến ngày xét xử hôm nay thì Công ty P đã chậm thanh toán tiền hàng theo hóa đơn 0000714 là 713 ngày; theo Hóa đơn 0000724 là 605 ngày, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với thời hạn 573 ngày đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Về mức tính lãi quá hạn, tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn với mức 13,87%/năm. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn với mức 12,35%/năm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức tính lãi suất của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, mức lãi suất nợ quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với trung bình lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty P phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần H khoản tiền lãi suất chậm trả với tổng số tiền 166.908.145 đồng, cụ thể theo công thức tính lãi dưới đây:

$$510.640.020 \text{ đồng} \times 713 \text{ ngày} \times 12,35\%/năm = 123.190.855 \text{ đồng}$$

$$225.488.560 \text{ đồng} \times 573 \text{ ngày} \times 12,35\%/năm = 43.717.290 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng: } 123.190.855 \text{ đồng} + 43.717.290 \text{ đồng} = 166.908.145 \text{ đồng}$$

Như vậy tổng số tiền hàng gốc và tiền lãi chậm thanh toán, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc công ty TNHH Xây dựng P phải thanh toán cho Công ty cổ phần Hiền Nhân là 903.036.725 đồng. Trong đó nợ gốc là 736.128.580 đồng; nợ lãi quá hạn: 166.908.145 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng P phải chịu 39.091.102 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm {36.000.000 đồng + (103.036.725 đồng x 3%) = 39.091.102 đồng}.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 24, 50, 306 Luật thương mại;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng P về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần H tổng số tiền: 903.036.725 đồng (*chín trăm lẻ ba triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc là 736.128.580 đồng (*Bảy trăm ba mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi đồng*).

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/3/2021 là: 166.908.145 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng P phải chịu 39.091.102 đồng (*Ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi một nghìn, một trăm lẻ hai đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.128.248 đồng (*Mười chín triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001388 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niên yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường